

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HS-ST
Ngày: 19/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Vân

Ông Nguyễn Công Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Truyền Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 27/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Vũ L, sinh ngày 14/01/1991; Tên gọi khác: T; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Lan T, sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 11 thì nghỉ học, lớn lên lập gia đình riêng sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Lê Phúc T, sinh ngày 14/6/1987; Tên gọi khác: Th; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Mua bán;

Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1963 và bà Trần Ngọc U, sinh năm 1964; Vợ: Đoàn Thị D, sinh năm 1988; Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Có 01 anh sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 12 thì nghỉ học, lớn lên lập gia đình riêng sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Phan Văn T, sinh ngày 12/12/1989; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn V, sinh năm 1953 và bà Phan Thị T, sinh năm 1955; Vợ: Dương Thị N, sinh năm 1992; Có 02 con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; Có 01 chị sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10 thì nghỉ học, lớn lên lập gia đình riêng sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trần Thanh N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp A, xã An N, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Võ Bích T, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp An, xã An N, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

2. Châu Văn M, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

3. Võ Thị T, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dựa vào kết quả xổ số các đài miền Nam, miền Trung và Hà Nội, Lê Vũ L - sinh năm 1991 quy ước cách đánh bạc (bán số đề) như sau: Các đài miền Nam và Trung, mỗi đài có 18 lô, miền Bắc có 27 lô; nếu mua hai số bao lô nghĩa là số đó nhân với 18 nếu các đài miền Nam và Trung, nhân với 27 nếu đài Hà Nội; đá hai số qua lại là nhân hai và nhân tiếp với 18 nếu đài miền Nam và Trung hoặc nhân 27 nếu đài Hà Nội; mua đầu và đuôi hoặc ba số thì tính số thực mua mỗi đài. Tỷ lệ ăn thua là 1/70 nếu mua hai số (số tiền chơi nhân với 70 nếu thắng), 1/600 nếu mua ba số, 1/5000 nếu mua bốn số.

Vào khoảng 17 giờ ngày 17/10/2022, lực lượng Công an tỉnh Bến Tre phối hợp với Công an huyện Ba Tri bắt quả tang Lê Vũ L đánh bạc (bán số đề) cho các con bạc tại nhà bà Nguyễn Lan T - sinh năm 1970 (mẹ ruột L) ở ấp A, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre như sau:

- Lê Phúc T (Th) - sinh năm 1987 mua đài Hà Nội: Bao lô số 23, 32, 36, 63, 37, 73, 47, 74, mua mỗi lô số tiền 20.000 đồng, thành tiền 4.320.000 đồng; số 23 đá 32; 36 đá 63, 37 đá 73, 47 đá 74, mua mỗi số đá là 10.000 đồng, thành tiền 2.160.000 đồng. Tổng số tiền Lê Phúc T tham gia đánh bạc (mua số đề) là 6.480.000 đồng.

- Phan Văn T - sinh năm 1989 mua các đài miền Nam (Tp.HCM, Đồng Tháp, Cà Mau): Bao lô số 41, mua mỗi lô số tiền 10.000 đồng, thành tiền 540.000 đồng; bao lô số 26, 10 và 92, mua mỗi lô số tiền 5.000 đồng, thành tiền 810.000 đồng; bao lô đài Tp.HCM và Đồng Tháp số 16, 61, 17, 71, mua mỗi lô 5.000 đồng, thành tiền 720.000 đồng. Tổng số tiền Phan Văn T mua số đề là 2.070.000 đồng. Kết quả xổ số Phan Văn T trúng số 41 số tiền 2.800.000 đồng, số 10 số tiền 350.000 đồng, số 92 số tiền 350.000 đồng, số 16 số tiền 350.000 đồng và số 61 số tiền 350.000. Tổng số tiền Phan Văn T thắng là 4.200.000 đồng. Do đó, số tiền Phan Văn T tham gia đánh bạc (mua số đề) là 6.270.000 đồng.

- Võ Bích T - sinh năm 1979 mua bao lô số 29 đài Đồng Tháp và Tp. HCM, mỗi lô số tiền 5.000 đồng, thành tiền 180.000 đồng; mua đầu và đuôi số 808 đài Đồng Tháp số tiền 60.000 đồng. Tổng số tiền Võ Bích T mua số đề là 240.000 đồng.

- Châu Văn M - sinh năm 1950 mua bao đầu các đài miền Nam (Tp.HCM, Đồng Tháp, Cà Mau) số 87, 32, 72, mỗi lô số tiền 20.000 đồng, thành tiền 180.000 đồng.

- Trần Thanh N - sinh năm 1993 mua bao lô đài Tp.HCM số 19, mỗi lô số tiền 30.000 đồng, thành tiền 540.000 đồng.

- Võ Thị T - sinh năm 1979 mua bao lô đài Đồng Tháp số 59, mỗi lô số tiền 100.000 đồng, thành tiền 1.800.000 đồng; bao lô các đài miền Nam (Tp.HCM, Đồng Tháp, Cà Mau) đá xiên số 59 và 32, mỗi lô số tiền 5.000 đồng, thành tiền 360.000 đồng. Tổng số tiền Võ Thị T mua số đề là 2.160.000 đồng.

Với cách làm tương tự, qua truy xét Lê Vũ còn bán số đề cho nhiều người không rõ nhân thân lai lịch số tiền 13.615.000 đồng (đài Hà Nội 1.175.000 đồng, các đài miền Trung 1.515.000 đồng và các đài miền Nam 10.925.000 đồng). Sau

khi có kết quả xổ số những người không rõ lai lịch thắng các đài miền Nam số tiền 8.750.000 đồng.

Vật chứng và tài sản thu giữ (chưa xử lý), gồm:

- Thu lúc bắt quả tang: 03 tờ giấy A4 (gọi là phôi đề) đã cắt rời có ghi các ký tự, dây số màu xanh, 01 bút bi Thiên Long mực xanh, 01 máy tính hiệu Casio màu xanh, 01 tờ giấy in sao kê màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S22, sim số 0376711555 và số tiền 6.220.000 đồng.

- Do Phan Văn Thịnh giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu đồng và sim số 0965629095.

- Do Võ Bích T giao nộp: 02 tờ giấy (gọi là phôi đề) ghi các con số.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKSBT ngày 13/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố các bị cáo Lê Vũ L, Lê Phúc T, Phan Văn T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Lê Vũ L, Lê Phúc T, Phan Văn T phạm tội “Đánh bạc”:

- Về trách nhiệm hình sự:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Đề nghị HĐXX phạt bị cáo Lê Vũ L từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Đề nghị HĐXX phạt bị cáo Lê Phúc T và Phan Văn T, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị HĐXX:

- + Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.220.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S22, sim số 0376711555 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0965629095 là vật chứng của vụ án dùng vào việc phạm tội.

- + Tịch thu tiêu hủy: 05 tờ giấy gọi là phôi đề, 01 bút bi Thiên Long, 01 máy tính hiệu Casio và 01 tờ giấy in sao kê màu xanh là vật chứng của vụ án dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng.

- + Buộc bị cáo Lê Vũ L nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.200.000 đồng là số tiền bị cáo Phan Văn Thịnh thắng khi tham gia đánh bạc.

+ Buộc bị cáo Lê Phúc T nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.480.000 đồng là số tiền bị cáo dùng để đánh bạc.

+ Buộc bị cáo Phan Văn T nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.070.000 đồng là số tiền bị cáo dùng để đánh bạc.

+ Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh N nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 540.000 đồng là số tiền Trần Thanh N dùng để đánh bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Vũ L, Lê Phúc T và Phan Văn T thừa nhận hành vi đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền (mua bán số đề) như nội dung Cáo trạng đã xác định mà các bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thanh N trình bày: Vào ngày 17/10/2022, thông qua mạng xã hội Facebook, anh có nhắn tin cho bị cáo L đề hỏi mua số đề. Cụ thể: Anh mua số 19 bao lô (18 lô) đài Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi lô mua số tiền 30.000 đồng, thành tiền là 540.000 đồng thì bị cáo L đồng ý. Đến chiều khoảng 18 giờ cùng ngày, anh đến tìm L để trả tiền 540.000 đồng mua số đề cho bị cáo L, thì thấy lực lượng Công an đang ở nhà bị cáo L nên anh bỏ về, chưa trả số tiền này cho bị cáo L. Số đề anh mua cũng không trúng, và việc mua số đề này là anh mua cho cá nhân anh, không mua cho ai khác. Ngoài ra, anh không liên quan gì trong vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm. Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh N và những người làm chứng Võ Bích T, Châu Văn M và Võ Thị T vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra vụ án. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Căn cứ vào các Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng và người liên quan, vật chứng thu giữ cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Vì động cơ tư lợi bất chính, nên Lê Vũ L, Lê Phúc T và Phan Văn T tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền (mua bán số đề), trong đó số tiền Lê Vũ L tham gia là 36.720.000 đồng (đài Hà Nội 7.655.000 đồng, các đài miền Nam 29.065.000 đồng), Lê Phúc T 6.480.000 đồng, Phan Văn T 6.270.000 đồng thì bị bắt quả tang vào khoảng 17 giờ ngày 17/10/2022 tại ấp A, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Lê Vũ L, Lê Phúc T, Phan Văn T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi đánh bạc được ăn thua bằng tiền (mua bán số đề) của các bị cáo và các con bạc khác là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo là người đã trưởng thành, đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính và mục đích là nhằm tước đoạt tiền bạc và tài sản của nhau, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, sản xuất. Chính từ ý thức và việc làm sai trái của các bị cáo đã gây ra nhiều tác động xấu trong xã hội, là nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác phát sinh, gây bất ổn cho xã hội và mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết và phải xử lý tương xứng với tính chất hành vi của các bị cáo để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, đồng thời góp phần chung vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Trong vụ án này bị cáo L là người trực tiếp bán số đề cho các bị cáo T và T và nhiều con bạc khác nên phải chịu trách nhiệm cao nhất, tiếp đến là bị cáo T và T.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Phúc T và Phan Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Vũ L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa cả ba bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Lê Phúc T và Phan Văn T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng mức hình phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 6.220.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S22, sim số 0376711555 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0965629095 là vật chứng của vụ án dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 05 tờ giấy gọi là phôi đề, 01 bút bị Thiên Long, 01 máy tính hiệu Casio và 01 tờ giấy in sao kê màu xanh là vật chứng của vụ án dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 4.200.000 đồng là số tiền bị cáo Phan Văn T thắng khi tham gia đánh bạc của bị cáo Lê Vũ L nhưng bị cáo L chưa trả cho bị cáo T nên buộc bị cáo L phải nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 6.480.000 đồng là số tiền bị cáo Lê Phúc T dùng để đánh bạc nên buộc bị cáo T phải nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.070.000 đồng là số tiền bị cáo Phan Văn T dùng để đánh bạc nên buộc bị cáo T phải nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 540.000 đồng là số tiền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh N dùng để đánh bạc nên buộc Trần Thanh N phải nộp sung ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với hành vi đánh bạc (bán số đề) các đài miền Trung của Lê Vũ L, do số tiền dưới 5.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính là phù hợp với quy định pháp luật.

[11] Đối với hành vi đánh bạc (mua số đề) của Châu Văn M, Trần Thanh N, Võ Bích T, Võ Thị T, do số tiền tham gia đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[12] Đối với hành vi sử dụng nhà bà Nguyễn Lan T làm nơi bán số đề của Lê Vũ L, do bà T không biết hành vi bán số đề của Lâm nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp với quy định pháp luật.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Vũ L, Lê Phúc T, Phan Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Vũ L số tiền 50.000.0000 (Năm mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Phúc T số tiền 25.000.0000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T số tiền 25.000.0000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.220.000 (Sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S22, sim số 0376711555 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0965629095.

+ Tịch thu tiêu hủy: 05 (Năm) tờ giấy gọi là phôi đề, 01 (Một) bút bi Thiên Long, 01 (Một) máy tính hiệu Casio và 01 (Một) tờ giấy in sao kê màu xanh.

(Theo phiếu nhập kho số NKT.V.04 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri và Biên lai thu tiền số 0000003 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri).

+ Buộc bị cáo Lê Vũ L nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn) đồng;

+ Buộc bị cáo Lê Phúc T nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.480.000 (Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng;

+ Buộc bị cáo Phan Văn T nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.070.000 (Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng;

+ Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh N nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 540.000 (Năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc các bị cáo Lê Vũ L, Lê Phúc T, Phan Văn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS & HTTP Công an huyện Ba Tri;
- UBND xã A (Ba Tri, Bến Tre);
- UBND xã A (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Tài